

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-5-2023.

V/v ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung.

Ông Đinh Thanh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm A, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Tầng A, số C, phố A Z, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1977.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm A, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc L có đăng ký kết hôn năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Chị và anh L có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2009 chị sang Đài Loan làm ăn và sinh sống, vợ chồng vẫn liên

lạc và chị có về Việt Nam vài lần. Đến năm 2015 chị sang Đài Loan để công tác thì vợ chồng bắt đầu ly thân từ thời điểm này. Vợ chồng cũng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai vợ chồng ngày càng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không hạnh phúc. Vì nghĩ thương con, vợ chồng nhiều lần nói chuyện mong hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết. Nay sau khi cân nhắc, suy nghĩ kỹ lưỡng và cảm thấy cuộc sống hôn nhân đã quá ngột ngạt, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con thứ nhất là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 20/12/2002 (Đã trưởng thành) và con thứ hai là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2005. Hiện cháu hiện đang ở cùng bà ngoại là bà Trần Thị T1, sinh năm 1954. Khi ly hôn chị đề nghị cháu H sẽ do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên do chị đang ở nước ngoài nên cháu H sẽ tiếp tục do bà ngoại của cháu chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị trở về Việt Nam. Đối với cháu D đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng tự quyết định cuộc sống của mình nên chị không có yêu cầu nào. Về cấp dưỡng chị không đề nghị anh L nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, chị Nguyễn Thị T đang ở nước ngoài có ủy quyền cho chị Vũ Thị C và chị Hà Thị Bích H1 thay mặt chị thực hiện thủ tục nộp hồ sơ ly hôn, nộp án phí, lệ phí tại Cơ quan nhà nước và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến nội dung vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt cho anh L là bị đơn trong vụ án Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh L đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L đến Tòa án nhưng không có ý kiến thể hiện quan điểm của mình về việc chị T xin ly hôn và nuôi con chung. Ngày 24/4/2023 Tòa án đã tiến hành lập biên bản làm việc yêu cầu anh L trình bày quan điểm cá nhân về việc ly hôn với chị T, anh L từ chối cung cấp quan điểm cá nhân của anh về việc chị T xin ly hôn, anh L đề nghị chị T phải có mặt tại Tòa án để trực tiếp giải quyết việc ly hôn với anh. Ngoài ra anh L không có yêu cầu gì khác. Ngày 15/5/2023 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã giao trực tiếp Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm cho anh Nguyễn Ngọc L.

Tại phiên tòa anh L trình bày: Chị T đã biệt tích từ lâu, không liên lạc với anh, anh nghĩ chị T đã chết nhưng đến khi anh nhận được giấy triệu tập của Tòa án thì anh mới biết chị T làm đơn xin ly hôn anh. Anh Linh xác định toàn bộ hồ sơ xin ly hôn của chị T gửi đến Tòa án là không hợp pháp có dấu hiệu lừa đảo vì chị T đã mất tích từ lâu. Tuy nhiên, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị T. Về con chung: Anh L1 xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn

Ngọc D, sinh ngày 20/12/2002 (Đã trưởng thành) và con thứ hai là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2005. Nay cháu hiện đang ở cùng bà ngoại là bà Trần Thị T1. Anh L1 nhất trí theo nguyện vọng của Cháu H và đồng ý để cháu H ở với bà ngoại nhưng phải đảm bảo chăm sóc tốt cho cháu H. Nếu Toà án giao con cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh cũng nhất trí, anh có đủ điều kiện để chăm sóc con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh L1 không yêu cầu Toà án giải quyết

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L. Con chung: Con thứ nhất là Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2000 (Đã trưởng thành), con thứ hai là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2005 giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị T vì anh L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu, không giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn là người Việt Nam hiện đang ở Đài Loan, có địa chỉ cụ thể và quá trình giải quyết đơn khởi kiện, bản tự khai của bị đơn có xác nhận của Văn phòng K tại Đ.

Nguyên đơn hiện đang ở nước ngoài có ủy quyền cho chị Vũ Thị C và chị Hà Thị Bích H1 có địa chỉ tại: Số C, Đ, phường T, quận C, thành phố Hà Nội thay mặt chị thực hiện thủ tục nộp hồ sơ ly hôn, nộp án phí, lệ phí tại Cơ quan nhà nước và thực hiện các thủ tục cần thiết liên quan đến nội dung vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án anh L đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng không có bản tự khai thể hiện quan điểm, ý kiến của mình về việc chị T xin ly hôn. Toà án đã tiến hành lập biên bản làm việc, anh L có ý kiến yêu cầu chị T phải trực tiếp về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với anh.

Hội đồng xét xử thấy, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án đã có bản tự khai ngày 02/3/2023 và có đơn xin xét xử vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc ly hôn và có xác nhận của Văn phòng K tại Đ. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định.

[2].Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Nguyễn Thị T trình bày là do trong cuộc sống vợ chồng có khoảng cách địa lý xa nhau, vợ chồng không thể chia sẻ và quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung. Năm 2015 chị T đã sang Đài Loan để lao động, từ đó vợ chồng đã ly thân đến nay. Chị T xác định vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh L, xin ly hôn được ly hôn với anh L.

Tại phiên toà anh L nhất trí ly hôn với chị T.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”. Tuy nhiên, chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, giữa chị và anh L không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đã ly thân nhau, điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên toà anh L cũng xác định anh và chị T không còn quan tâm nhau từ nhiều năm nay. Do vậy, Hội đồng xét xử, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 20/12/2002 (Đã trưởng thành) và con thứ hai là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2005, Hiện nay cháu Nguyễn Ngọc H đang ở cùng bà ngoại là bà Trần Thị T1, khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc H và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với chị T. Hội đồng xét xử thấy, tại phiên toà anh L nhất trí trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2005. Hiện nay chị T đang ở nước ngoài, A có nơi cư trú ổn định tại xóm A, xã C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ và sự ổn định cho các con khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2005 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, cũng đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tại Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh L.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Anh L1 không đề nghị giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét

xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác theo quy định

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 58, 81, 82, 83, 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 19/9/2005, cho anh Nguyễn Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị T do anh L không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000228 ngày 21/02/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Nguyễn Ngọc L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Cù Vân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương